

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA  
HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO CÁC XÃ NÔNG THÔN MỚI NAM 2012**

Giai đoạn I gồm 13 xã									
TT	Huyện, TP, TX	Tên xã	Tổng số hộ dân	Hộ nghèo			Hộ cận nghèo		
				Hộ	Khẩu	Tỷ lệ	Hộ	Khẩu	Tỷ lệ
1	Kỳ Anh	Kỳ Giang	1.591	340	719	21,37	209	813	11,75
2	Cẩm Xuyên	Cẩm Thành	1.938	102	243	5,26	271	1.029	13,98
3	Thạch Hà	Thạch Tân	1.750	63	212	3,60	203	852	11,60
4	Can Lộc	Thiên Lộc	1.912	127	411	6,64	220	974	11,51
5	Lộc Hà	Thạch Châu	1.567	73	638	4,66	249	1.668	15,89
6	Nghi Xuân	Xuân Viên	1.233	111	294	9,00	223	823	18,09
7	Đức Thọ	Tùng Ảnh	1.965	65	160	3,31	33	92	1,68
8	Hương Sơn	Sơn Châu	1.016	75	184	7,38	269	1.124	26,48
9	Hương Khê	Hương Trà	810	33	126	4,07	52	187	6,42
10		Gia phố	1.330	70	179	5,26	270	443	20,30
11	Vũ Quang	Hương Minh	705	162	584	22,98	130	589	18,44
12	TX Hồng Lĩnh	Xã Thuận Lộc	1.130	90	250	7,96	317	1.327	28,05
13	TP Hà Tĩnh	Xã Thạch Hạ	1.566	134	370	8,56	138	370	8,81
<b>Tổng cộng</b>			<b>18.513</b>	<b>1.445</b>	<b>4.370</b>	<b>7,81</b>	<b>2.584</b>	<b>10.291</b>	<b>13,96</b>
Giai đoạn II gồm 35 xã									
<b>I</b>	<b>Kỳ Anh</b>		<b>6.869</b>	<b>1.333</b>	<b>2.750</b>	<b>19,41</b>	<b>858</b>	<b>3.171</b>	<b>12,49</b>
1		Kỳ Bắc	1.641	331	724	20,17	322	1.348	24,01
2		Kỳ Thư	1.149	231	409	20,10	129	473	11,23
3		Kỳ Tân	2.070	351	687	16,96	122	397	5,89
4		Kỳ Phương	1.511	311	632	20,58	205	658	13,30

5		Kỳ Trung	498	109	298	21,89	80	295	13,86
<b>II</b>	<b>H. Cẩm Xuyên</b>		<b>3.630</b>	<b>283</b>	<b>787</b>	<b>7,80</b>	<b>486</b>	<b>2.019</b>	<b>13,39</b>
1		Cẩm Bình	1.352	102	335	7,54	218	1.054	16,12
2		Cẩm Nam	1.094	67	226	6,12	82	364	7,50
3		Cẩm Yên	1.184	114	226	9,63	186	601	15,71
<b>III</b>	<b>H. Thạch Hà</b>		<b>5.117</b>	<b>446</b>	<b>1.597</b>	<b>8,72</b>	<b>765</b>	<b>3.427</b>	<b>14,95</b>
1		Phù Việt	1.073	92	275	8,57	173	779	16,12
2		Thạch Long	1.416	143	588	10,10	231	1.102	16,31
3		Thạch Đài	1.586	111	379	7,00	174	720	10,97
4		Tượng Sơn	1.042	100	355	9,60	187	826	17,95
<b>IV</b>	<b>H. Can Lộc</b>		<b>5.677</b>	<b>581</b>	<b>1.753</b>	<b>10,23</b>	<b>717</b>	<b>3.190</b>	<b>12,63</b>
1		Thanh Lộc	1.338	122	483	9,12	153	765	11,43
2		Khánh Lộc	1.275	130	377	10,20	148	633	11,61
3		Đồng Lộc	1.298	144	425	11,09	167	642	12,87
4		Quang Lộc	1.766	185	468	10,48	249	1.150	14,10
<b>V</b>	<b>H. Lộc Hà</b>		<b>4.328</b>	<b>788</b>	<b>2.949</b>	<b>18,21</b>	<b>1.047</b>	<b>2.382</b>	<b>24,19</b>
1		Ích Hậu	2001	184	952	9,20	475	945	23,74
2		Thạch Bằng	2.327	604	1.997	25,96	572	1.437	24,58
<b>VI</b>	<b>H. Nghi Xuân</b>		<b>5.434</b>	<b>783</b>	<b>1.974</b>	<b>14,41</b>	<b>908</b>	<b>3.511</b>	<b>16,71</b>
1		Xuân Hội	1.618	160	417	9,89	343	1.224	21,20
2		Xuân Lĩnh	728	61	143	8,38	73	279	10,03
3		Cương Gián	3.088	562	1.414	18,20	492	2.008	15,93
<b>VII</b>	<b>H. Đức Thọ</b>		<b>7.222</b>	<b>423</b>	<b>1.004</b>	<b>5,86</b>	<b>632</b>	<b>2.210</b>	<b>8,75</b>
1		Trung Lễ	953	102	223	10,70	207	868	21,72
2		Thái Yên	1.766	53	144	3,00	43	115	2,43
3		Yên Hồ	1.380	66	157	4,78	113	344	8,19
4		Đức Yên	1.116	64	120	5,73	135	452	12,10
5		Trùng Sơn	2.007	138	360	6,88	134	431	6,68

<b>VIII</b>	<b>H. Hương Sơn</b>		<b>6.185</b>	<b>662</b>	<b>1.662</b>	<b>10,70</b>	<b>1.251</b>	<b>4.570</b>	<b>20,23</b>
1		Sơn Tân	613	80	191	29,39	250	577	40,78
2		Sơn Ninh	1.059	195	621	28,18	250	1.207	23,61
3		Sơn Bằng	1.028	101	217	31,01	431	1.731	41,93
4		Sơn Tây	2.268	194	415	15,39	237	776	10,45
5		Sơn Kim 1	1.217	92	218	18,82	83	279	6,82
<b>IX</b>	<b>H. Hương Khê</b>		<b>2.707</b>	<b>283</b>	<b>548</b>	<b>10,45</b>	<b>402</b>	<b>1.407</b>	<b>14,85</b>
1		Phúc Trạch	1.593	169	330	10,61	188	571	11,80
2		Phú Phong	1.114	114	218	10,23	214	836	19,21
<b>X</b>	<b>H. Vũ Quang</b>		<b>523</b>	<b>125</b>	<b>400</b>	<b>23,90</b>	<b>137</b>	<b>478</b>	<b>26,20</b>
1		Ân Phú	523	125	400	23,90	137	478	26,20
<b>XI</b>	<b>TP Hà Tĩnh</b>		<b>738</b>	<b>38</b>	<b>98</b>	<b>5,15</b>	<b>41</b>	<b>112</b>	<b>5,56</b>
1		Thạch Môn	738	38	98	5,15	41	112	5,56
		<b>Tổng cộng</b>	<b>48.430</b>	<b>5.745</b>	<b>15.522</b>	<b>11,86</b>	<b>7.244</b>	<b>26.477</b>	<b>14,96</b>

TRƯỞNG PHÒNG BẢO TRỢ XÃ HỘI



Nguyễn Văn Hùng

GIÁM ĐỐC




Nguyễn Văn Sơn

**Nơi nhận:**

- Bộ Lao động - TBXH;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban Chỉ đạo XDNTM tỉnh;
- Văn phòng điều phối Ban Chỉ đạo tỉnh;
- Các huyện, thị xã, thành phố;
- Giám đốc, các PGĐ sở;
- Trưởng phòng chuyên môn thuộc sở
- Lưu Văn thư, BTXH.